

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN VÙNG BIỂN TÂY NAM BỘ THỜI CHÚA NGUYỄN VÀ VƯƠNG TRIỀU NGUYỄN (thế kỷ XVII - XIX)

Trần Thị Mai

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT: *Quá trình xác lập, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều biến cố phức tạp trong các thế kỷ XVII -XIX.*

Thông qua các chính sách, biện pháp nhất quán, mềm dẻo và cương quyết của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn, chủ quyền Việt Nam đã mở rộng trên toàn vùng biển Tây Nam Bộ, đến tận Hà Tiên và mũi Cà Mau, bao gồm cả các hải đảo ngoài Biển Đông và vịnh Thái Lan. Bên cạnh đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo giữa Biển Đông, chúa Nguyễn còn đặt ra đội Bắc Hải (dưới sự kiểm soát của đội Hoàng Sa) có trách nhiệm khai thác hóa vật, kiểm tra, kiểm soát thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực "các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên".

Từ việc thực thi chủ quyền và quyền chủ quyền, các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đã biến vùng biển Tây Nam Bộ thành một trong những địa bàn trọng yếu trong hội lưu quốc tế, góp phần quan trọng vào công cuộc kiến thiết và bảo vệ an ninh quốc gia.

Từ khóa: *Chủ quyền, vùng biển Tây Nam Bộ, Biển Đông, chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn, đội Bắc Hải, xác lập chủ quyền, thực thi chủ quyền.*

Vùng biển Tây Nam Bộ được đề cập tới trong bài nghiên cứu này bao gồm toàn bộ vùng bờ biển, mặt nước, đảo và quần đảo ngoài khơi thuộc quyền kiểm soát của Phú Gia Định (thế kỷ XVII), trấn Hà Tiên và dinh Long Hồ (thế kỷ XVIII), trấn Vĩnh Thanh và trấn Hà Tiên thời vua Gia Long và từ thời vua Minh Mạng thứ 13 (1833) trở đi thuộc địa phận cai quản của các tỉnh Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên. Quá trình xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều biến cố phức tạp trong các thế kỷ XVII –XIX, gắn liền với quá trình mở mang tạo dựng chủ quyền trên vùng đất Nam Bộ.

Công cuộc mở mang tạo dựng vùng đất mới Tây Nam Bộ được tiến hành bằng hai phương thức cơ bản: phương thức di dân khai khẩn tự phát của nhân dân, chủ yếu là nông dân Việt và phương thức khẩn hoang do chính quyền tổ chức với quy mô lớn huy động nhiều lực lượng cùng tham gia.

Từ đầu thế kỷ XVII, xuất phát từ nhiều nguyên nhân (chiến tranh giữa các thế lực phong kiến, nạn cường hào địa chủ kiêm tính ruộng đất, sưu cao thuế nặng, thiên tai, dịch bệnh...) một bộ phận không nhỏ cư dân người Việt từ miền Bắc, miền Trung di cư tự phát vào Nam Bộ. Đến vùng đất mới, những lớp cư dân

Việt di cư tự phát một mặt khai phá đất hoang, lập làng tự quản, mặt khác chủ động dung hợp với các nhóm cư dân bản địa, “kết thành chòm xóm” chung lưng đấu cật cùng tạo dựng cuộc sống mới.

Sử liệu thành văn và thực địa đều khẳng định: con đường di cư tìm đến vùng đất mới của các nhóm lưu dân người Việt trong các thế kỷ XVII, XVIII chủ yếu theo đường biển. Họ dùng các phương tiện ghe bầu, thuyền thúng, bè mảng... men theo bờ biển tiến vào các cửa biển Chân Bò (Vũng Tàu), Cần Giờ, Cửa Tiểu, Cửa Đại, Cửa Ba Lai, Cửa Tranh Đề, ... đến tận vùng cực nam Nam Bộ là Hà Tiên. Chính vì thế, những vùng cửa biển hoặc cửa sông là những nơi thường được khai phá trước tiên, như vùng Bà Rịa – Vũng Tàu (thuộc Đông Nam Bộ) được khai phá rất sớm với trung tâm là Mô Xoài – Bà Rịa ngày nay. Ở khu vực Tây Nam Bộ, những vùng được khai phá sớm là Gò Công, Mỹ Tho (Tiền Giang), Ngao Châu, Bân Côn (Trà Vinh), Hà Tiên (Kiên Giang)...

Năm 1680, khi Mạc Cửu đến khai thác đất này, cư dân đã rất đông đúc. Mạc Cửu người xã Lôi Quách, huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) cũng "để tóc chạy sang phương Nam, đến nước Chân Lạp làm chức Ốc Nha...". Sau đó, nhờ mối quan hệ gắn bó với triều đình Chân Lạp, Mạc Cửu đã có toàn bộ vùng đất Hà Tiên - Long Xuyên - Bạc Liêu - Cà Mau (được gọi chung là Hà Tiên) và kiến tạo vùng này thành khu vực cát cứ của dòng họ mình, không còn lệ thuộc vào chính quyền Chân Lạp nữa. Khi đến Hà Tiên, Mạc Cửu nhanh chóng tiến hành xây dựng một tòa thành bên bờ biển, mở phố xá, “chiêu mộ dân lưu tán người nước Việt Nam, lập nên bảy thôn xã ở các xứ Phú quốc, Lũng Kè, Cần bốt, Vũng Thơm, Rạch Giá, Cà Mau. Vì chỗ

ở có truyền thuyết rằng thường có người tiên hiện ở trên sông, nên gọi là Hà Tiên”¹

Các nhóm lưu dân Việt, Hoa tuy nhỏ, lẻ, thành quả khai khẩn hạn chế, song sự có mặt sớm của họ đã kiến tạo nên những tiền đề thuận lợi cho quá trình tiến vào khai mở vùng đất Tây Nam Bộ của các chúa Nguyễn.

Quá trình tổ chức khai khẩn đất Tây Nam Bộ của chúa Nguyễn diễn ra muộn hơn so với quá trình di dân tự phát của lưu dân. Chỉ sau khi đã thiết lập được quan hệ chính trị - ngoại giao khá bền chặt với chính quyền Chân Lạp (thông qua cuộc hôn nhân chính trị giữa công nương Ngọc Vạn với vua Chân Lạp Chaychetha II vào năm 1620 và sự đồng thuận của Chaychetha II trong việc cho phép chúa Nguyễn Phúc Nguyên mở hai trạm thu thuế ở Sài Gòn và Bến Nghé năm 1623), chúa Nguyễn mới chính thức tiến xuống vùng Tây Nam Bộ. Sự kiện năm 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần điều đình với Chân Lạp cho nhóm người Dương Ngạn Địch và Hoàng Tiến theo đường biển vào cửa Lôi Lạp, theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư ở Mỹ Tho có thể được xem là cột mốc mở đầu cho quá trình này. Dương Ngạn Địch chỉ mất một thời gian ngắn nhóm họp người Việt, người Khmer, người Hoa tiến hành khai khẩn đất đai, lập trang trại, thôn ấp đã nhanh chóng biến Mỹ Tho thành một trong ba thương cảng lớn nhất của Nam Bộ².

Năm 1708, Mạc Cửu đem những vùng đất đai đã khai khẩn dâng cho chúa Nguyễn và được chúa Nguyễn chấp thuận cho làm thuộc

¹ Trịnh Hoài Đức, Gia định thành thông chí, Bản dịch Viện Sử học, nxb Giáo dục, 1999, tr. 120.

² Cùng với Cù Lao phỏ và Hà Tiên

quốc, đặt vùng đất này thành trấn Hà Tiên, phong cho Mạc Cửu chức Tổng binh, tước Cửu Ngọc Hầu, lệ 3 năm phải triều cống chúa Nguyễn một lần. Sự phát triển “độc lập” của vùng đất Hà Tiên dưới quyền cai quản của Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ đã từng được người Trung Quốc đương thời nhìn nhận như là một quốc gia riêng. Sách *Thanh triều văn hiến thống khảo* gọi đây là nước Càng Khâu (Càng Khâu quốc): “*nước này có nhiều núi cao, địa hạt khoảng 100 dặm vuông. Thành và các cung thất làm bằng gỗ không khác Trung Quốc mấy. Chỗ Vua ở xây bằng gạch ngói. Chế độ trang phục phẳng phát các vua đời trước, búi tóc, đi võng, chít khăn, đội mũ. Vua mặc áo bào vẽ trăn rắn, lưng thắt đai đai, giày dép bằng da: Dân mặc áo vạt cổ rộng. Khi có tang thì mặc đồ màu trắng, bình thường thì áo nhiều màu... Họ gặp nhau thì chấp hai tay chào theo lễ Phong tục nước này ham chuộng thơ văn, trong nước có dựng đền thờ Khổng Tử. Vua và dân đều đến lễ...”.*

Như vậy, đến đầu thế kỷ XVIII, chủ quyền Việt Nam đã mở rộng đến tận Hà Tiên và mũi Cà Mau, bao gồm cả các hải đảo ngoài Biển Đông và vịnh Thái Lan. Lúc này, bên cạnh đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo giữa Biển Đông, Chúa Nguyễn còn đặt ra đội Bắc Hải (dưới sự kiểm quản của đội Hoàng Sa) có trách nhiệm khai thác hóa vật, kiểm tra, kiểm soát thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực “*các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên*”.

Năm 1756, Nặc Nguyên “*xin hiến đất hai phủ Tầm Bôn, Lô Lạp và nộp bù lễ cống còn thiếu 3 năm về trước để chuộc tội*”. Sau khi bàn tính kỹ, Chúa Nguyễn đã chấp nhận việc “*lấy đất hai phủ ấy, uỷ cho thần xem xét hình thế, đặt lũy đóng quân, chia cấp ruộng đất cho quân và dân, vạch*

rõ địa giới cho đặt lệ vào châu Định Viễn để thu lấy toàn khu”. Năm sau (1757), Nặc Nguyên qua đời, người chú họ là Nặc Nhuận tạm trông coi việc nước, nhưng ngay sau đó triều đình Chân Lạp lại rối loạn, đánh giết lẫn nhau. Người con của Nặc Nhuận (em họ của Nặc Nguyên) là Nặc Tôn (Outey II) chạy sang Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ đã cứu mang và giới thiệu Nặc Tôn lên Chúa Nguyễn. “*Chúa bèn sắc phong cho Nặc Tôn làm Vua nước Chân Lạp, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ năm dinh hộ tống về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tầm Phong Long... Bấy giờ Nặc Tôn lại cắt năm phủ Hương Úc, Cần Bột, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ hiến cho triều đình. Chúa cho lệ năm phủ ấy vào quản hạt Hà Tiên, Thiên Tứ xin đặt Giá Khê làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long Xuyên, đều đặt quan lại, chiêu dân cư, lập thôn ấp làm địa giới Hà Tiên ngày càng thêm rộng*”.³

Cùng với việc xác lập chủ quyền, các chúa Nguyễn sớm xây dựng chiến lược bảo vệ và thực thi chủ quyền thông qua các chính sách, biện pháp nhất quán, mềm dẻo và cương quyết.

Thứ nhất, các chúa Nguyễn khi xác lập được chủ quyền đến đâu thì ngay lập tức xây dựng bộ máy chính quyền và xây dựng quân đội để bảo vệ đến đó. Ngoài quân chính quy thường trực ở các dinh, các chúa Nguyễn còn tổ chức lực lượng Thổ binh ở các địa phương. Quân chính quy thường trực là quân đóng ở các dinh, được phiên chế theo dinh, cơ, đội, thuyền. Đứng đầu quân đội ở mỗi dinh là chức Chương

³ Trịnh Hoài Đức, sđd, tr. 121

đình, ở cấp cơ có chức Chương cơ và Cai cơ, ở cấp đội có Cai đội và Đội trưởng. Thổ binh, Tạm binh hay Thuộc binh là quân đội địa phương. Đây là lực lượng tập trung nhiều ở Nam Bộ để bảo vệ vùng đất mới và trấn áp các lực lượng chống đối từ bên ngoài.

Thứ hai, các Chúa Nguyễn đặc biệt quan tâm bố trí lực lượng quân sự, thiết lập các đồn thủ “nơi xung yếu” để chống giặc, giữ dân, bảo vệ chủ quyền, cụ thể như: Tại vùng biển phía ngoài Mỹ Tho, chính quyền cho dựng đồn đắp bằng đất ở địa phận thôn Tân Lý Tây (giồng Kiến Định, huyện Kiến Khang) gọi là đồn Trấn Định để phòng thủ, bảo vệ an ninh, trật tự. Tại các đồn bảo hay cửa tấn, lực lượng quân đội luôn túc trực với số lượng khá hùng hậu. Theo Phú biên tạp lục của Lê Quý Đôn: giữ cửa Soài rap có 3 đội quân, mỗi đội 3 Đồn Tranh (?), giữ cửa Đại, cửa Tiểu, giữ cửa Ba Lai cũng đều như thế. Giữ Trường Đồn ở Mỹ Tho có 5 đội, mỗi đội 3 thuyền, mỗi thuyền 48 người, cộng 720 người. Quân đội từ thời chúa Hi Tông (Nguyễn Phúc Nguyên) đã được trang bị súng đại bác và súng tay theo kỹ thuật của người phương Tây. Ở Vĩnh Thanh: Cửa biển Ngao Châu cho đóng phân thủ, lại tận dụng cù lao Thổ Châu và cù lao Sa Châu và hai thôn Giao Long và An Thịnh làm hai con cá chắn cửa biển, khóa lấy thủy khẩu, khống chế cửa biển⁴. Cửa biển Cổ Chiên rộng 11 dặm rưỡi, nước triều lên sâu 32 thước, nước triều xuống sâu 18 thước, cách bờ về phía nam 2 dặm rưỡi và phía đông nam 33 dặm rưỡi có cù lao lớn che chắn, cho lập các sở thủ ngự ở đây

để đề phòng giặc biển, cắt cử dân hai thôn Trường Lộc, Thái Hòa để cùng bảo vệ⁵.

Đối với vùng biển Hà Tiên là nơi có nhiều sản vật, nhiều đảo to nhỏ nằm ngoài chắn giữ, như Hòn Đại Kim Dữ ở bờ biển phía nam cách trấn ly chu vi 193 trượng 5 thước, ngăn chặn sóng dữ là hòn ngọc chắn biển, bờ bắc có cầu gỗ để ra vào, đằng sau núi có viện Quan Âm là nơi Tống Thị Sương tu hành, bên tả có điều đình, những du khách lúc trăng thanh gió mát, ngồi câu cá và ngâm vịnh; đằng trước đặt trại thủ bị, phía tây nam xây bao lũy đá ngăn giữ giặc biển; Hòn Tiểu Kim Dữ, ở ngoài khơi, hình như con kim ngao chắn cửa biển, làm tiêu chí cho thuyền bè ra vào; Đảo Phú Quốc là nơi Nguyễn Ánh từng lẩn trốn Tây Sơn và được dân chúng cuu mang, nên khi thu phục được đất Gia Định đã gia ơn miễn thuế thân và dao dịch cho xứ ấy, dù thuyền đánh cá, thuyền đi buôn đều không đánh thuế. Chỉ vì là nơi biển xa hẻo lánh, phải phòng bị giặc biển Chà Và nhân sơ hở đến ăn cướp, cho nên đặt quan thủ ngự, lấy dân làm lính, đều đủ khí giới cùng nhau giữ gìn để giữ bản cảnh mà thôi⁶.

Do địa thế vùng biển Tây Nam Bộ có nhiều đảo, quần đảo chắn ngoài khơi, lại tiếp giáp với vịnh Xiêm La, là một trong những địa bàn chiến lược trên con đường mậu dịch biển, nên trong suốt thời trung đại, các toán cướp biển thường tụ tập cướp bóc. Vì thế, hoạt động chống cướp biển là một trong những trọng tâm của quân đội triều đình và quân các địa phương. Sử sách từng ghi rằng, từ khi dòng họ Mạc khai phá và xây dựng miền đất phía Nam

⁴ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 61

⁵ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 61, 62

⁶ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 68

trù phú, vùng đất Tây Nam nước ta phát triển cực thịnh, Hà Tiên là một thương cảng, nơi cập bến của những đội tàu buôn Đông-Tây. Những con tàu của thương nhân Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha chở gốm sứ, rượu sang đổi sản vật, tơ lụa ở Châu Á đều phải đi qua vùng biển này. Trên vùng biển kín của Vịnh Thái Lan nhiều hòn lấm đảo, lại nằm trên đường trung chuyển. Đây chính là điều kiện lý tưởng để các băng cướp biển trú ngụ trên các hoang đảo, chặn tàu để cướp. Không phải ngẫu nhiên mà người ta gán cho hòn Đốc và các hòn lân cận trên quần đảo Hòn Tre cái tên “quần đảo Hải Tặc”. Sách Gia Định thành thông chí và Đại Nam nhất thống chí cũng cho biết: từ thế kỷ XVII, XVIII, thuyền Quỳnh Châu từ Quảng Đông thường đến vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc đậu để mua hải sâm, bong bóng cá, lẫn với dân ta, buồm thuyền liền nhau. Giặc biển Chà Và thường bắt thần nấp ở các đảo để cướp của bắt người cho nên xứ ấy đều sắm khí giới để phòng bị, mà thuyền tuần của lính trấn thì cứ đến mùa gió nam là tuần phòng cẩn thận, hơi sơ phòng một chút là có cướp bóc ngay. Cũng tại vùng biển này, năm 1747, Tung Đức Hầu Mạc Thiên Tứ truy bắt được bọn cướp biển Vũ vương Đức bụng (Đức người phủ Quy Nhơn, bụng bự). Còn ở Hòn Cổ Công, phía đông cảng Hương Úc, là nơi có nhiều sản vật (cá to, đồi mồi, hải sâm), bên ngoài địa thế hiểm trở, có bình chương che chắn, bên trong là nơi tàu thuyền thường đỗ. Từ năm 1767, là chỗ bọn giặc biển Hoặc Nhiên (người Triều Châu giỏi dùng mũi tên sắt to, bắn đứt lèo buồm, hoành hành trên biển, vây cánh rất nhiều) tụ tập cướp bóc thuyền buôn Nam Bắc và cướp bóc dân Xiêm lánh nạn ở bãi bễ và ngầm mưu đánh cướp lấy Hà Tiên. Mạc

Thiên Tứ biết chuyện sai cai đội Khang Thành hầu đem quân tinh nhuệ đánh dẹp.

Sử liệu nhà Nguyễn cũng ghi chép khá nhiều về hoạt động cướp biển của hải tặc Chà Và (một cách gọi chung dùng để chỉ các nhóm cướp biển có nguồn gốc từ các đảo, quần đảo ngoài khơi Đông Nam Á). Vùng Biển Tây Nam Bộ là nơi gánh chịu nạn hải tặc Chà Và với tần suất rất cao. Dưới thời Tây Sơn và thời Nguyễn, các nhóm hải tặc thường xuyên cướp phá ở các đảo Hòn Tre, Hòn Cau, Hòn Rái, Hòn Cổ Rồng, Phú Quốc, biển Kiên Giang, biển Hà Tiên.... Chúng còn lập căn cứ ở một số đảo để bất ngờ đánh cướp các tàu thuyền qua lại vùng vịnh Xiêm La và Hà Tiên. Những cuộc đụng độ lớn giữa quân đội chúa Nguyễn và hải tặc Chà Và đã được biên chép trong Đại Nam thực lục: Tháng 12 năm Nhâm Tý (1792), giặc biển Chà Và đến bãi Hà Tiên cướp phá, bị quan Bảo hộ Nguyễn Văn Nhân đem quân đánh đuổi, chúng chạy ra đảo Hòn Cau (Lang Dữ) thì gặp đoàn thuyền của Cai cơ Nguyễn Tiến Lượng và Nguyễn Văn Thoại đi sứ Xiêm về chặn đánh, chém hơn 30 đầu giặc, bắt sống 2 tên, thu được một chiếc thuyền⁷; tháng 8 năm Bính Thìn (1796), 17 chiếc thuyền giặc biển Chà Và kéo đến đảo Hòn Tre (Trúc Dữ), dùng 3 chiếc sam bản vào cướp ở Kiên Giang; quan quân ngăn đánh, chém được 5 đầu giặc, đoạt được một thuyền, đánh đắm một chiếc, chiếc còn lại bỏ chạy. Quan Vệ úy vệ Hùng võ Nguyễn Đức Xuyên liền đem binh thuyền của 10 vệ quân Thần sách và Tả quân chia làm ba đạo đánh úp đảo Hòn Tre, bắt được tướng cướp

⁷ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập I, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo Dục, trang 288-289

và hơn 80 quân giặc, 15 chiếc thuyền, giải thoát cho hơn 70 người dân bị hải tặc bắt⁸

Trong suốt thế kỷ XVIII khi tiến hành công cuộc Nam tiến, các chúa Nguyễn luôn phải đối phó với các thế lực phong kiến láng giềng ở phía tây nam, đặc biệt là phong kiến Xiêm. Với tham vọng đông tiến, phong kiến Xiêm thường xuyên đem quân tấn công vào các vùng lãnh thổ ven biển tây nam của các chúa Nguyễn. Năm 1766, vua Xiêm sửa soạn thuyền chiến và binh sĩ chuẩn bị đánh Hà Tiên. Tháng 9 năm ấy, Tung Đức Hầu báo lên Khôn súp trấn Gia Định xin tiếp viện. Ngày 18/10, thống xuất Nguyễn Phúc Khôi và Tham mưu là Nguyễn Hữu Miên đem 3 hải thuyền, 20 chiếc ghe sai và 1000 lính đến Hà Tiên sửa sang việc canh giữ, dò xét nghiêm ngặt để phòng giặc. Năm 1767, để đề phòng phong kiến Miến Điện tấn công, Mạc Thiên Tứ sai đô đốc Thảng Tài Hầu đem chiến hạm và quân lính đến đóng ở xứ Chân Bôn, đầu địa giới nước Xiêm tuần phòng giữ giặc ngoài biên. Khi ấy, Xiêm vừa trải qua cuộc chiến với Miến Điện, quân dân chết rất nhiều, tiếp đó lại bị dịch bệnh hoành hành cướp đi vô số sinh mạng. Quan quân tuần ngự của Thảng Tài Hầu bị nhiễm bệnh chết cũng không ít, song vì việc phòng thủ là tối quan trọng vẫn không dám sao nhãng. Lực lượng phòng thủ của chúa Nguyễn phải chia nhau tuần do khắp các đảo Cỏ Công, Cỏ Cốt và Dàn Khảm⁹. Năm 1770, người Khmer Phạm Chàm, ớc nha Ghê cùng với người Chà Và là Vinh Ly Ma Lô chiêu mộ giặc cướp tấn công Hà Tiên theo hai đường thủy bộ. Quân bộ kéo đến núi Chiêu Thúy, quân thủy theo

đường biển gồm 15 chiến thuyền tiến vào cửa biển Hà Tiên cướp phá tàn khốc. Tung Đức Hầu tổ chức quân dân Hà Tiên phòng thủ dũng cảm, đánh bại được cuộc tấn công, bắt chém các tên thủ lĩnh cầm đầu. Song, sau sự kiện này, Hà Tiên lâm vào khủng hoảng lương thực, lòng dân dao động. Tung Đức Hầu dẫu sợ tự hặc tội. Thấy tình thế cấp bách, triều đình đã sắc cho khôn súp Gia Định phàm hễ Hà Tiên có việc cấp báo phải sách ứng ngay¹⁰. Năm 1771, vua Xiêm lấy cơ Mạc Thiên Tứ chứa chấp Chiêu Thúy, con vua Chân Lạp, bèn sai Taksin chỉ huy, đem 6 vạn quân đánh chiếm Hà Tiên, tiến sâu vào Gia Định, dùng bọn tướng cướp làm hướng đạo, đánh úp Hà Tiên. Thành Hà Tiên thất thủ. Quân của Mạc Thiên Tứ được sự tiếp ứng của quân chúa Nguyễn phải lui giữ các miền hiểm yếu là Kiên Giang, Long Hồ. Một năm sau, quân Xiêm đã bị quân của chúa Nguyễn đánh bại và tháo chạy về nước. Đến năm 1773, quân chúa Nguyễn đã lấy lại được trấn Hà Tiên....

Thứ ba, chúa Nguyễn còn sử dụng các lực lượng thuần phục để bảo vệ chủ quyền của vùng đất mới. Đó là trường hợp của dòng họ Mạc ở đất Hà Tiên, dựa vào chúa Nguyễn và được chúa Nguyễn hậu đãi, đã đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền vùng biển Tây Nam Bộ. Mạc Cửu rồi sau đó là Mạc Thiên Tứ không chỉ ra sức xây dựng và phát triển Hà Tiên trở thành một trung tâm kinh tế phồn thịnh, mà còn nêu cao ý thức bảo vệ chủ quyền với tư cách là người được giao trách nhiệm bảo vệ vùng biên giới cực Nam đất

⁸ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập I, Sdd, trang 340

⁹ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 122.

¹⁰ Trịnh Hoài Đức, sdd, tr. 123, 124.

nước. Nhờ đó mà vùng biên giới với Chân Lạp và Xiêm được giữ vững. Sách Đại Nam thực lục cho biết vào năm 1739: “*Nặc Bôn (Chân Lạp) lán Hà Tiên... Thiên Tứ đem hết quân bản bộ ra đánh đuổi tới Sài Mạt, ngày đêm đánh hăng, lương thực không tiếp kịp. Vợ là Nguyễn Thị đốc suất vợ lính vận lương đến nuôi quân, quân không bị thiếu ăn, hăng hái cố đánh phá được quân Bôn. Tin thắng trận báo lên, Chúa cả khen ngợi, đặc biệt cho Thiên Tứ chức Đô đốc tướng quân, ban cho áo bào đỏ và mũ đai, phong Nguyễn Thị làm Phu nhân. Do đó Chân Lạp không dám nhòm ngó Hà Tiên nữa*”. Hà Tiên vào thời Mạc Cửu là một mắt xích quan trọng ở phía đông vịnh Thái Lan, trên tuyến hàng hải thương mại châu Á qua vịnh Thái Lan, men theo bờ biển Đông Việt Nam lên Quảng Châu - Trung Quốc hay Luzon - Philippin. Hà Tiên vì vậy trở thành điểm đến của các đoàn thương thuyền từ bán đảo Mã Lai, Sumatra, Java, Siam, Ấn Độ, Miến Điện, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam,... Ở vào thế kỉ XVIII, Hà Tiên là một thị trấn buôn bán sầm uất, một hải cảng luôn có mặt các tàu buôn phương Tây, các nước Đông Nam Á và Trung Quốc, trong hải trình từ tây sang đông và ngược lại. Trong thế kỷ XVIII, thủy binh trấn Hà Tiên của Mạc Thiên Tứ là một lực lượng hùng mạnh, không chỉ có khả năng làm an tâm các thương thuyền ra vào phố cảng mà còn bảo vệ cả một vùng biển rộng lớn trước sự đe dọa của ngoại xâm và hải tặc.

Từ đầu thế kỷ XIX, khi vương triều Nguyễn xác lập, ý thức về thực thi và bảo vệ chủ quyền trên vùng biển của các vua Nguyễn càng tăng cường. Vua Gia Long từng có nhiều năm bôn ba trên vùng biển Tây Nam Bộ nên là người hiểu hơn ai hết về tầm quan trọng của vùng biển này. Vào

năm Gia Long thứ 4 (1805) vua sai năm doanh Phiên Trấn, Trấn Biên, Vĩnh trấn, Trấn Định, Hà Tiên thuộc trấn Gia đình, tra xét sự tích, bờ cõi, thổ sản trong địa hạt và thực đạc đường sá xa gần, núi song hiểm trở dễ dàng, theo đấy vẽ thành bản đồ, lại làm bản biên, theo từng khoản mà chua rõ để làm tập hành trình¹¹. Năm Gia Long thứ 9 (1810), lấy quân các cơ của bốn trấn 200 suất và 6 chiếc ghe sai, cho cứ 6 tháng làm một phiên, thay đổi nhau đóng giữ, sai phái việc quan, tuần bắt giặc biển¹². Sử sách chép rằng, trong 18 năm trị vì (1802 – 1820), hoàng đế Gia Long đã ba lần phái quân ra biển đảo để khẳng định chủ quyền của vương triều đối với các đảo và quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa. Hoạt động của đội Hoàng Sa tới các đảo phía bắc gần phủ Liêm Châu, Hải Nam (Trung Quốc), phía nam tiếp tới Côn Lôn, Hà Tiên. Vua Gia Long còn thiết lập một trại quân nhỏ để thu thuế và bảo trợ người đánh cá Việt Nam. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820) nhà vua “*Tháng 1, lấy Cai đội Lê Văn Ý làm Thủ ngự sở Phú Quốc. Sai mộ lính lập 10 đội ở thủ sở, mỗi đội 50 người, cho mỗi đội đều làm thuyền lớn thuyền nhỏ 3 chiếc, nhà nước cấp cho khí giới, miễn cho thuế thân và tạp dịch để sai đi tuần biển*”.

Dưới triều Nguyễn, mối quan tâm đến chủ quyền trên biển của các vua được hiện thực hóa qua việc xây dựng lực lượng thủy quân hiện đại. Thủy quân được coi trọng và được trang bị hệ thống tàu thuyền và vũ khí khá hiện đại không thua kém phương Tây là bao nên nhà Nguyễn có điều kiện tổ chức phòng thủ trên

¹¹ Trịnh Hoài Đức, Sđd, tr. 80.

¹² Trịnh Hoài Đức, Sđd, tr.136.

suốt chiều dài bờ biển của đất nước. Triều đình cũng không quên xây dựng hệ thống công trình phòng thủ biên giới, bờ biển và hải đảo, kể cả những địa điểm xung yếu ở cửa sông, bến đò. Do vị trí chiến lược của Hà Tiên, từ thời Minh Mạng, nhà vua đã cho tăng cường hệ thống bảo, tấn: Báo Giang Thành, báo Phú Quốc, báo Hàm Ninh, pháo đài nhỏ Tô Châu, tấn Kim Dữ, tấn Hoàng Giang, tấn Bồ Đề, tấn Ghềnh Hàu...

Triều đình cũng ban bố các quy chế như “tuần dương chương trình”, “tuần thuyền quy thức” và “tuần dương xử phạt lệ”... nhằm mục đích chống cướp biển, trạm dương và giữ gìn an ninh cho các loạt tàu thuyền hoạt động ven biển. Vua Minh Mệnh từng nói với bộ Binh: “Việc trị quốc phải nhìn xa thấy rộng. Từ khi thân chính, Trẫm thường nghĩ kế lâu dài cho nước, đắp Trường thành ở Quảng Bình, xây hùng quan ở Hải Vân, những nơi ven biển xung yếu như Thuận An, Tư Dung... không nơi nào không xây pháo đài, lợi dụng địa thế hiểm trở của sông núi để xây đắp công sự và sắm sửa hỏa pháp Tây Dương để phòng bất trắc, quả thật là trong thời bình phải nghĩ đến thời loạn, việc đó không thể lơ là được. Nhà vua còn nhắc nhở cận thần: “Việc trị quốc phải tôi luyện đạo đức và nghĩ đến nguy hiểm, hai điều đó đều không thể thiếu được. Nay trẫm đóng tàu bọc đồng, muốn lợi dụng những nơi xung yếu ven biển để xây dựng nhà máy, cất giữ những con tàu đó hầu lợi cho việc sử dụng khi cần. Đặc biệt, mối quan tâm đến biển của các vị vua còn được thể hiện qua hình ảnh biển Đông được thể hiện trên Cao đình (Gia Long), biển Nam trên Nhân đình (Minh Mạng) và biển Tây trên Chương đình (Thiệu Trị) là 3 cái đình to cao nhất và quan trọng

nhất, tượng trưng cho ba ông vua đầu tiên của triều đại.

Chính nhờ mối quan tâm đặc biệt của các vua đầu triều Nguyễn mà an ninh vùng biển Tây Nam Bộ luôn đảm bảo. Dưới triều Minh Mạng, thủy quân nhà Nguyễn đã liên tục đánh bại nhiều cuộc cướp bóc của cướp biển Chà Và vào các năm 1822, 1823, 1825, 1828, 1830, 1834 ở bãi biển Hà Tiên, đảo Hòn Rái (Lại Dữ), đảo Cỏ Rồng (Long Cảnh). Tháng 6 năm Đinh Dậu (1837), 3 chiếc thuyền giặc biển Chà Và lại đến đảo Hòn Rái tỉnh Hà Tiên, Quân cơ Nguyễn Văn Do và Phòng thủ úy Nguyễn Toán đem quân đuổi đánh, bắt được đầu mục giặc là Bạng Ly Ma Ô Tôn, Bạng Ly Ma Cô Lý và đồng đảng 43 tên, chém được 12 đầu giặc, số còn lại nhảy xuống biển chết, thu hết được thuyền súng và khí giới của giặc¹³

Dưới thời vua Tự Đức (1856) luật lệ đi tuần tiểu đường biển và lệ thưởng phạt được ban bố, trong đó quy định rõ: “*Một khoản*; những thuyền Kinh phái, thuyền Tĩnh phái và thuyền của đồn cửa biển đi tuần phải liên lạc thay đổi nhau đi trên mặt biển, không chỗ nào được bỏ thiếu. Nếu gặp thuyền giặc phải lập tức tiến đến đánh bắt hoặc tiến hành bắn 3 phát đại bác, hoặc đốt 5 phát pháo thăng thiên; thuyền đi gần nghe, trông thấy phải đến ngay đánh giúp. Hoặc thuyền giặc trở chạy lúc sóng gió to thì dùng thuyền kiểu mới, lúc yên lặng sóng gió thì dùng thuyền Ô, thuyền Lê săn đuổi đánh đều là đặc lực. *Một khoản*; hàng năm đi tuần ngoài khơi, các Quân vệ, Quân cơ cho đến Suất đội, Đội trưởng, pháo thủ đều phải chọn lấy những

¹³ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập V, trang 106

người giỏi giang quen thạo sung làm. Về phần biển nào có giặc phát ra mà bộ biên lại ở chỗ khác, vây bắt không kịp thì vẫn lấy tấn thủ là tội đầu. Nếu trong khi giặc phát ra, bộ biên ở đồn ấy mà không trông biết, hết sức đánh bắt được thì bộ biên là tội đầu lấy tội của viên Tấn thủ mà bắt tội, Tấn thủ thì theo thứ tự mà giảm dần xuống. *Một khoản*: người giữ việc bắt giặc nếu thực có công trạng bắt chém được giặc cùng là 3 lần đi tuần biển giữ được yên lặng thì Quân cơ, Quân vệ và Cai đội, Suất đội nếu người nào đã thực thụ rồi thì thưởng hậu hoặc thăng trật, còn những người hàm thư đã qua thì đổi định là 2 năm, cùng là người

phải đình lưu hay thí sai là 3 năm, nay không kể đã đủ niên hạn hay chưa, phạm người nào đã 5 lần được yên lặng lại không can tội gì nặng về tư đều cho bỏ nợ ngay.”

Từ kết quả xác lập, thực thi chủ quyền và quyền chủ quyền trên vùng biển Tây Nam Bộ, các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn đã hoàn chỉnh bản đồ Việt Nam, đồng thời, đưa vùng biển Tây Nam Bộ thành một trong những địa bàn trọng yếu trong hội lưu quốc tế, góp phần quan trọng vào công cuộc kiến thiết và bảo vệ an ninh quốc gia.

THE PROCESS OF ASSERTION AND DEFENSE OF THE SOVEREIGNTY OVER THE VIETNAM'S SOUTH WEST WATERS DURING THE NGUYEN LORDS AND NGUYEN DYNASTY (from the 17th to 19th centuries)

Tran Thi Mai

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT: *The process of establishment, assertion and defense of the sovereignty over the Vietnam's South West waters by the Nguyen Lords and Nguyen Royal Dynasty is a long process undergoing many complicated upheavals during the period from the 17th to 19th centuries. Through the consistent, flexible and resolute policies and measures issued by the Nguyen Lords and Nguyen Royal Dynasty, the sovereign power of Vietnam extended over all of the South West waters up to Ha Tien and Ca Mau Cape, including offshore islands in the East Sea and Gulf of Thailand. Besides the Paracel Flotilla guarding the archipelagos in the East Sea, the Nguyen Lords also established the Bac Hai Flotilla (under the command of Paracel Flotilla) with the responsibility to exploit fossils, inspect and control Vietnam's sovereignty implementation in the areas of "Bac Hai zones, Con Lon island and other islands in Ha Tien". From the enforcement of Vietnam's sovereignty and sovereignty rights, the Nguyen Lords turned the South West waters into one of the most critical sites in international exchange which made contribution of vital significance to the construction and protection of national security.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, (1977).
- [2]. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí, bản dịch Viện Sử học*, Nhà xuất bản Giáo dục, (1998).
- [3]. Phan Khoang, *Việt Sử xứ Đàng Trong*, Nhà xuất bản Văn học, (2001).
- [4]. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, Nhà xuất bản Thuận Hóa, (2006).
- [5]. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập I, II, III và V.
- [6]. Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, (2007).
- [7]. Trần Thanh Phương, *Minh Hải địa chí*, Nhà xuất bản Mũi Cà Mau, (2005).